

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay nhờ động lực đến từ diễn biến tích cực ở nhóm cổ phiếu chứng khoán

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CTG, GMD

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc chốt lời quay vòng 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng KLGD không tăng tương ứng.

01/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,417.08	+0.61
VN30	1,545.14	+1.06
HĐTL VN30F1M	1,549.00	+1.29
HNXIndex	325.72	+0.74
HNX30	515.59	+1.46
UPCoM	90.44	+0.21
USD/VND	23,017	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.20	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.15	+22
Dầu (WTI, \$)	74.53	+1.44
Vàng (LME, \$)	1,774.57	+0.25



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,417.08 (+0.61%)
KLGD (triệu CP) 753.6 (+44.8%)
GTGD (triệu US\$) 1,135.3 (+24.1%)

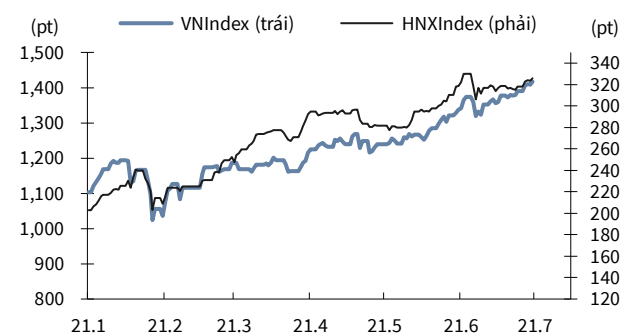
HNXIndex 325.72 (+0.74%)
KLGD (triệu CP) 156.4 (+51.1%)
GTGD (triệu US\$) 155.5 (+55.7%)

UPCoM 90.44 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 89.8 (+49.6%)
GTGD (triệu US\$) 65.8 (+57.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -10.9

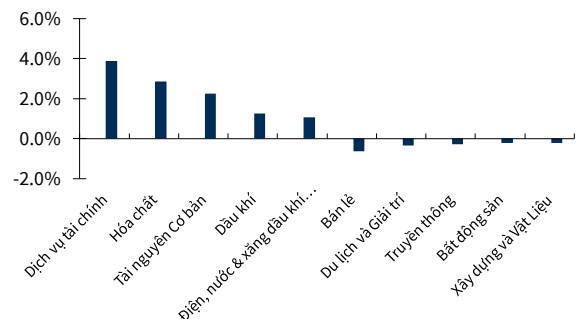
TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay nhờ động lực đến từ diễn biến tích cực ở nhóm cổ phiếu chứng khoán. Cụ thể, cổ phiếu ngành chứng khoán tăng giá ở SSI (+4.5%), HCM (+5.7%) sau khi FPT cho biết đã xử lý xong các vấn đề kỹ thuật trên hệ thống mới và sẵn sàng vận hành chính thức theo đúng dự kiến. Thống kê của Cơ quan Tài chính Đà Loan cho biết trong 5 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 5 cho Đài Loan với 11,950 tấn (+78% YoY), trị giá 23.59 triệu USD (+132% YoY) và Đài Loan có xu hướng tăng nhập khẩu cao su Việt Nam giảm nhập khẩu từ các thị trường chính như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia giúp cổ phiếu ngành cao su tăng ở GVR (+4%), PHR (+0.2%). Cục Hàng hải Việt Nam cho biết khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam 6 tháng năm 2021 đạt 362.9 triệu tấn (+7% YoY), đặc biệt khối lượng hàng hóa container đạt 12.4 triệu Teus (+22% YoY) và lượt tàu xuất nhập cảnh tăng 11% YoY giúp cổ phiếu nhóm cảng biển tăng giá ở HAH (+5.2%), ILB (+5.1%), GMD (+4.0%). Khối ngoại bán ròng ở VPB (+4%), CTG (-0.6%), NVL (-0.8%).

VNIndex & HNXIndex



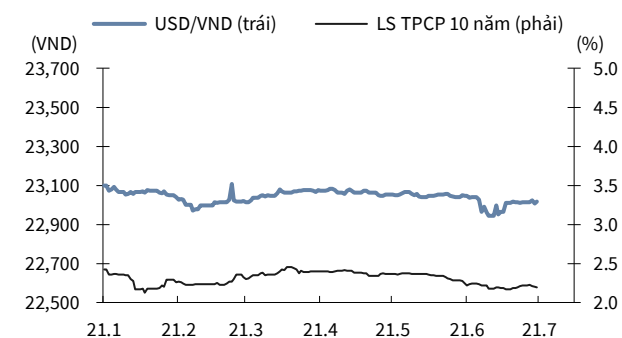
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



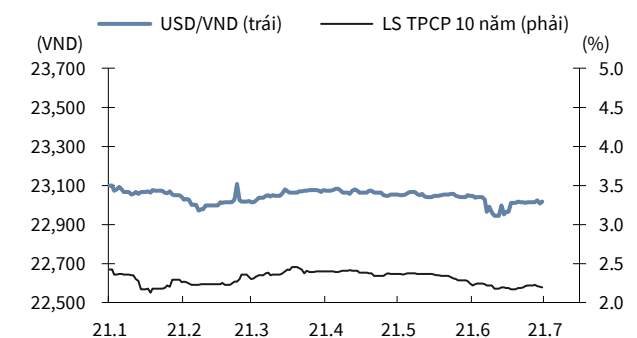
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

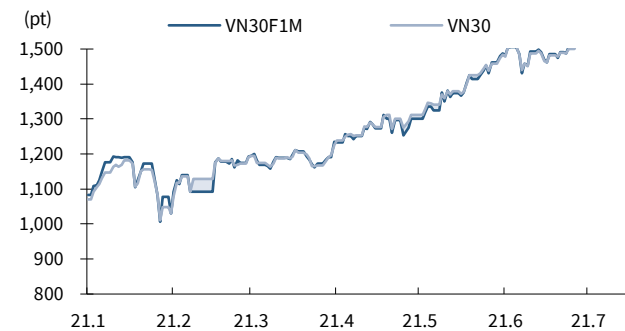
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,545.14 (+1.06%)
VN30F1M	1,549.0 (+1.29%)
Mở cửa	1,532.0
Cao nhất	1,549.0
Thấp nhất	1,525.5

HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 2.5 bps, sau đó giảm mạnh trong phiên sáng xuống mức thấp nhất trong ngày ở -5.5bps, trước khi đảo chiều hồi phục trong phiên chiều và đóng cửa ở mức 3.9 bps. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên trước.

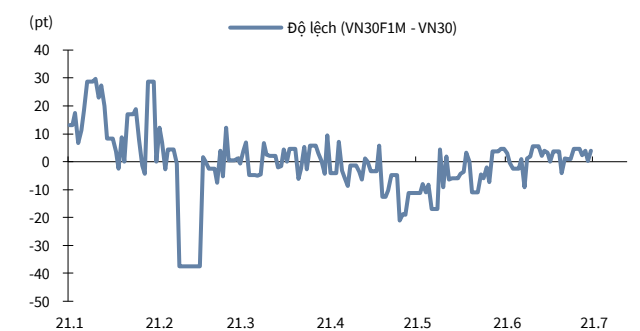
KLGD (HĐ) **192,914 (+15.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



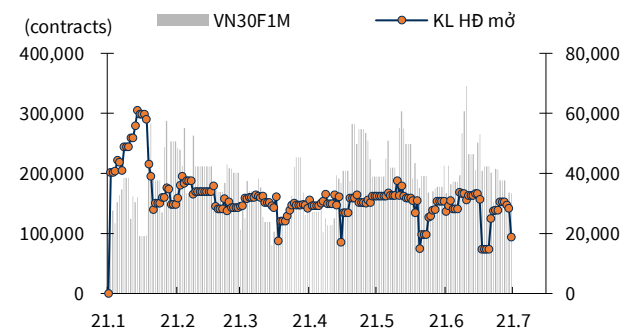
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



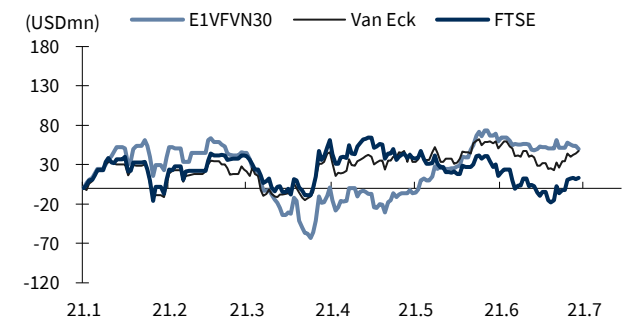
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

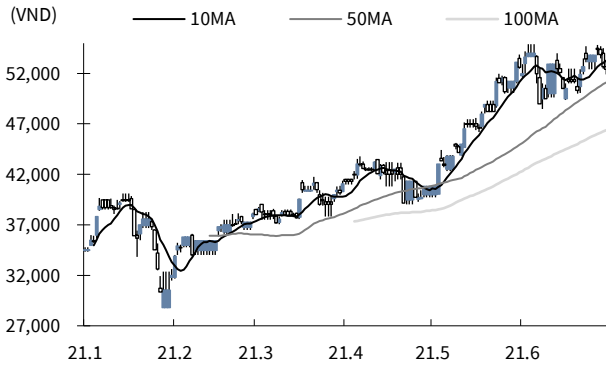
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vietinbank (CTG)

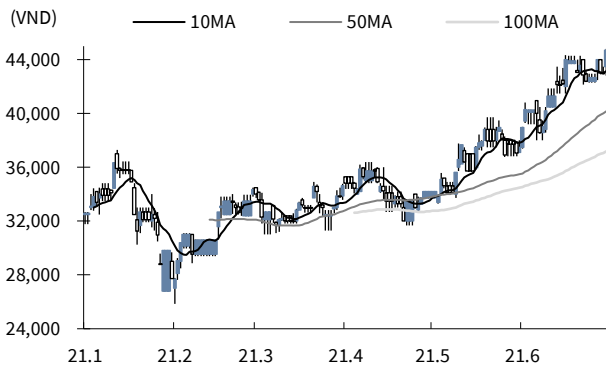


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG giảm -0.6% xuống 52,400 VNĐ/cp.

- CTG thông báo 6 tháng đầu năm 2021 lợi nhuận sau thuế đạt trên 13,000 tỷ đồng (+75% YoY). Dư nợ tín dụng tăng 1.8% so với đầu năm lên 1.06 triệu tỷ đồng, trong đó tỷ trọng dư nợ bán lẻ bình quân tăng từ 54% năm 2020 lên 56% vào cuối quý 2/2021 và tỷ lệ CASA bình quân tăng lên mức 19.1%.

Gemadept (GMD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

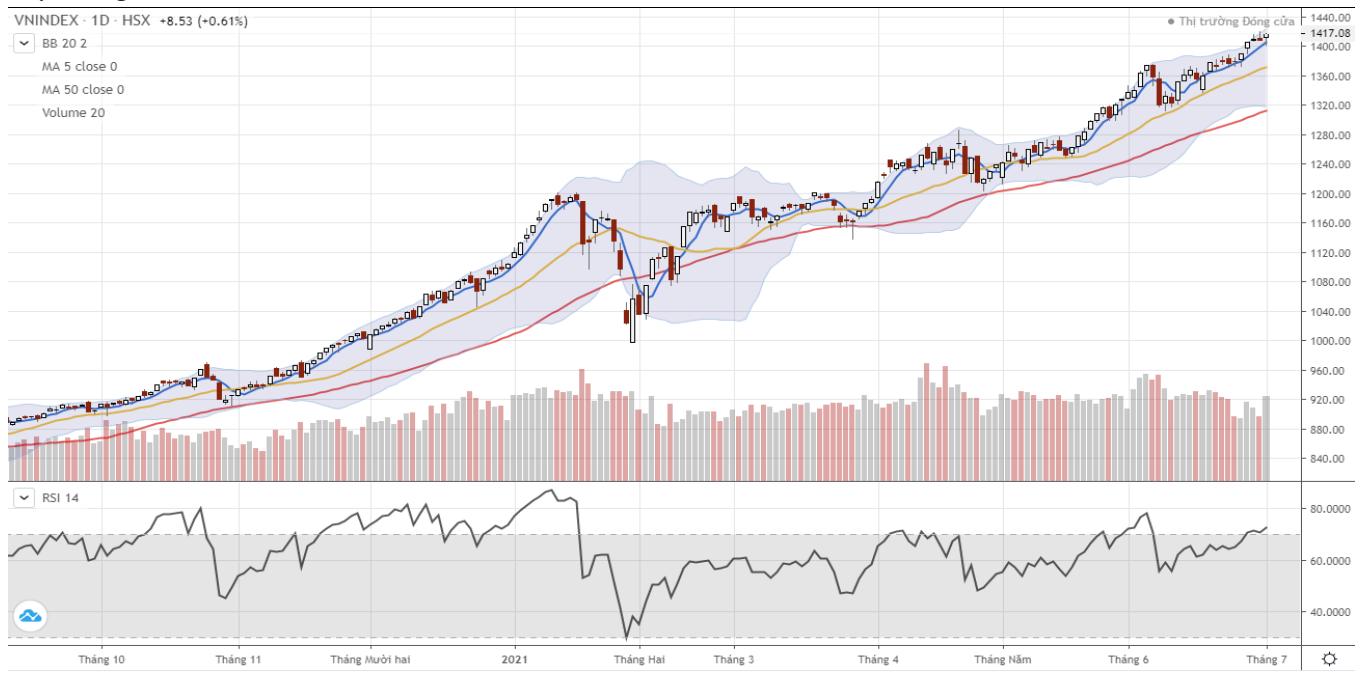
- GMD tăng 4% lên 44,700 VNĐ/cp.

- GMD thông qua kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 700 tỷ đồng (+37% YoY) và doanh thu 2,800 tỷ đồng (+7% YoY). Công ty đặt mục tiêu gia tăng thị phần cảng trên cả nước gấp đôi từ 11% năm 2020 lên 23% năm 2025. Ban lãnh đạo cho biết, Gemalink bắt đầu khai thác trong quý 1, hiện đang hoạt động 90% công suất và sẽ hoạt động tối đa công suất giai đoạn 1 từ quý 3/2021.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

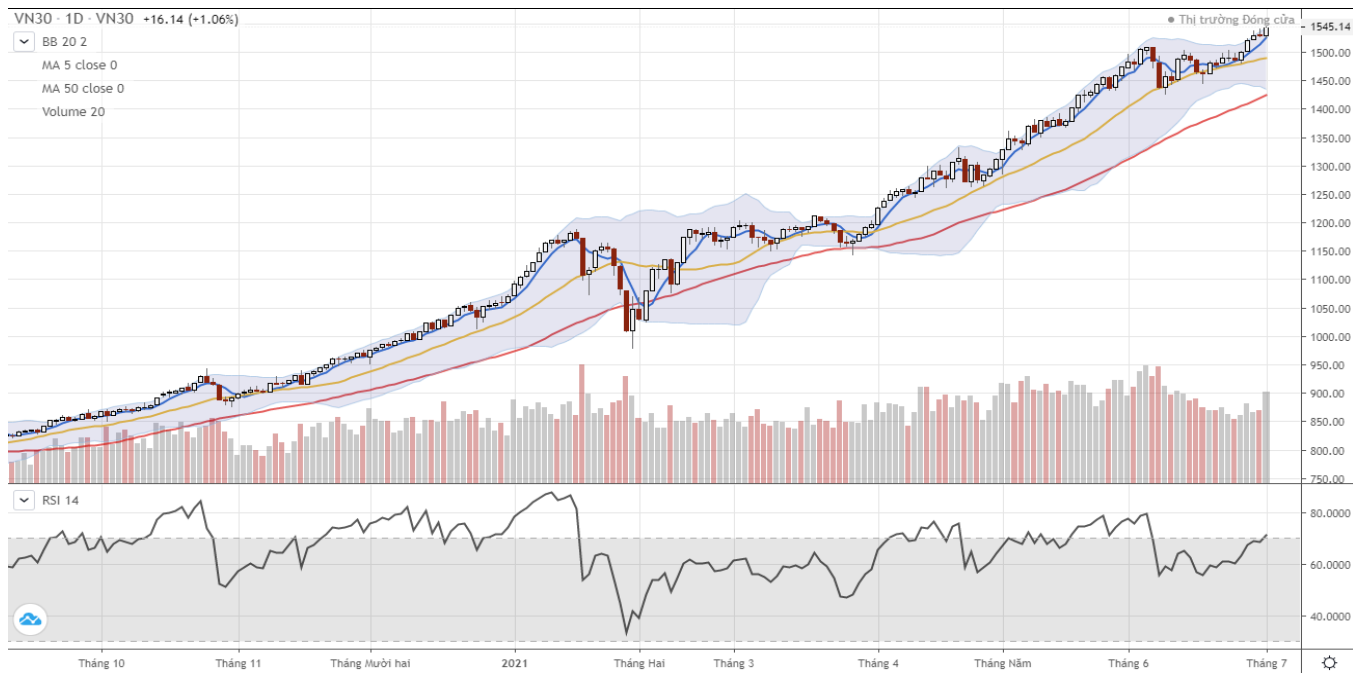
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm đầu phiên trước khi dần hồi phục và tăng điểm về cuối phiên.
- Việc lấy lại xung lực tăng điểm và không xuất hiện phiên phân phối lớn giúp chỉ số có thể tiếp tục mở rộng xu hướng tăng điểm. Chúng tôi cũng quan sát thấy thanh khoản đang có dấu hiệu được cải thiện trở lại. Mặc dù vậy, yếu tố này cần được quan sát thêm trong các phiên tới, đặc biệt là khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 1430.
- NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc chốt lời quay vòng 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng KLGD không tăng tương ứng.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1556 - 1561

Kháng cự gần: 1550 - 1552

Hỗ trợ gần: 1541 - 1543

Hỗ trợ xa: 1532 - 1537

- F1 giảm điểm đầu phiên trước khi dần hồi phục và tăng điểm về cuối phiên.
- Việc lấy lại xung lực tăng điểm và không xuất hiện phiên phân phối lớn giúp chỉ số có thể tiếp tục mở rộng xu hướng tăng điểm. Mặc dù vậy, KLGD cần tiếp tục được cải thiện để giảm bớt rủi ro điều chỉnh, đặc biệt là khi F1 tiếp cận vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 1560.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế còn lại do chưa xuất hiện phiên phân phối lớn.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

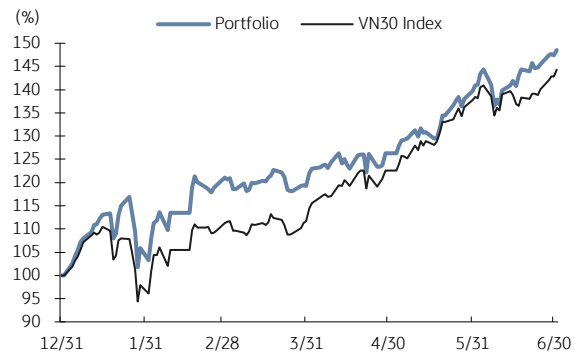
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.06%	0.77%
Tăng lũy kế (YTD)	44.30%	48.53%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	151,100	-0.6%	26.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	39,400	1.0%	58.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	100,200	0.1%	28.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	43,450	0.2%	155.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,600	-0.2%	69.7%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	88,900	1.0%	204.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	52,400	-0.6%	120.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,200	1.3%	26.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	52,800	2.5%	257.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	39,500	2.9%	190.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	0.0%	23.5%	76.8
MSN	2.7%	32.9%	45.1
E1VFN30	0.2%	97.5%	43.9
MBB	0.2%	21.0%	40.2
GAS	1.3%	2.6%	36.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	4.0%	15.5%	-336.9
CTG	-0.6%	25.1%	-297.9
NVL	-0.8%	7.6%	-57.6
VIC	-0.3%	14.1%	-37.7
HCM	5.7%	48.2%	-22.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	0.3%	0.7%	2.1
PVS	-1.7%	7.9%	1.7
MBS	9.9%	0.1%	1.7
VCS	2.9%	4.0%	1.7
APS	7.9%	1.6%	1.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	4.5%	18.6%	-11.7
BVS	10.0%	8.6%	-2.9
PAN	0.4%	34.6%	-2.8
PCG	-9.0%	45.8%	-1.7
SD9	0.0%	3.4%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	9.1%	SSI, HCM
Công nghệ thông tin	4.7%	FPT, CMG
Tài nguyên Cơ bản	4.4%	HPG, HSG
Bán lẻ	4.2%	MWG, DGW
Hóa chất	3.9%	GVR, DGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-1.2%	PLX, PVD
Truyền thông	-1.0%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	-0.4%	SVC, TCH
Xây dựng và Vật Liệu	-0.2%	HBC, VGC
Y tế	0.2%	IMP, DCL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	24.8%	SSI, VCI
Hóa chất	23.1%	GVR, DCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0%	GAS, PPC
Du lịch và Giải trí	11.0%	VJC, HVN
Bảo hiểm	10.4%	BVH, MIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-3.0%	HPG, SHI
Truyền thông	1.8%	PNC, ADG
Ô tô và phụ tùng	2.3%	SVC, HAX
Công nghệ thông tin	2.7%	ST8, ICT
Dầu khí	3.1%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	261,309 (11.4)	22.5	85.6	54.0	14.7	7.7	9.0	4.4	3.9	-0.3	0.9	-1.2	9.6
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	485,514 (21.1)	26.6	12.6	11.3	35.9	31.3	27.3	3.3	2.7	-0.7	4.5	12.7	30.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	175,999 (7.6)	17.8	25.8	21.0	-7.6	8.8	10.1	2.3	2.1	0.2	-0.6	3.6	1.3
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	300,489 (13.1)	31.3	32.5	35.6	6.7	16.2	13.0	5.1	5.0	-0.8	4.3	19.9	149.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	110,566 (4.8)	11.6	19.5	14.4	18.0	14.2	17.0	2.5	2.2	0.4	4.1	4.9	41.5
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	309,032 (13.4)	13.9	9.3	8.4	-	19.1	18.2	1.6	1.4	-0.8	-1.7	-	14.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	245,913 (10.7)	6.3	19.0	15.8	11.7	22.1	21.7	3.7	3.1	0.0	5.1	12.2	18.9
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	202,127 (8.8)	12.7	20.2	14.7	-5.3	12.0	14.6	2.1	1.8	0.1	4.6	-1.5	-1.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	923,541 (40.1)	0.0	11.5	9.8	14.3	19.8	19.2	2.1	1.7	1.1	4.7	0.4	69.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	907,068 (39.4)	1.4	12.0	9.9	61.1	19.8	20.0	2.0	1.7	-0.6	-1.9	-0.4	51.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,238,788 (97.3)	0.0	12.4	11.8	18.8	21.6	18.5	2.3	1.9	4.0	2.6	1.6	116.6
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	990,352 (43.0)	0.0	11.0	9.4	14.6	21.2	20.7	2.1	1.7	0.2	3.5	13.7	90.7
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	176,157 (7.7)	4.2	10.6	8.8	23.3	21.3	20.2	2.0	1.6	2.7	6.4	6.3	53.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	915,383 (39.8)	14.0	26.6	18.2	26.5	8.8	11.0	1.8	1.7	1.3	6.9	-4.3	83.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	168,309 (7.3)	0.0	8.7	7.4	37.5	23.0	21.4	1.8	1.4	1.2	4.3	-1.6	38.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	22,271 (1.0)	0.2	44.4	24.1	27.3	5.8	10.0	2.1	2.0	1.3	5.3	-5.5	59.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	83,125 (3.6)	21.0	25.5	22.7	15.2	8.4	9.0	2.1	2.0	1.0	1.7	10.1	-10.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	23,416 (1.0)	14.2	17.2	13.5	9.1	9.7	11.7	1.4	1.3	-0.7	-1.1	1.7	19.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	739,201 (32.1)	55.4	23.6	18.4	-3.2	14.3	16.2	-	-	4.5	14.5	31.6	73.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	230,892 (10.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	4.2	6.0	40.2	86.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	284,485 (12.4)	52.4	25.8	-	-19.0	17.1	-	3.6	-	5.7	19.5	40.6	72.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	348,681 (15.2)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	4.5	8.7	46.2	147.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	319,544 (13.9)	42.1	18.5	17.4	4.0	33.9	34.5	5.7	5.4	0.6	2.5	1.1	-16.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	31,870 (1.4)	36.9	21.9	19.0	7.3	23.2	23.6	4.6	4.2	-0.8	-2.4	8.9	-14.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	152,371 (6.6)	16.5	49.6	28.2	-51.9	12.9	17.9	6.5	5.2	2.8	6.6	6.1	27.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	158,140 (6.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-2.3	2.9	-25.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,904 (2.9)	11.0	160.9	24.7	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	-0.7	4.5	13.7	-3.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	115,582 (5.0)	10.8	26.7	19.2	-57.0	8.7	11.8	2.1	2.0	4.0	5.4	19.2	37.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	55,650 (2.4)	38.4	14.9	9.0	65.7	6.5	9.9	1.1	1.0	-0.3	-1.3	-2.8	-11.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	118,845 (5.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.8	-3.6	-0.6	156.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	135,530 (5.9)	37.7	15.7	10.9	-12.7	12.7	13.8	-	-	0.5	0.7	5.6	23.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	26,127 (1.1)	3.6	14.6	13.0	-52.4	4.0	4.4	0.6	0.5	0.2	-1.1	5.7	-16.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	39,019 (1.7)	0.0	9.8	7.9	-4.5	13.4	15.2	1.2	1.2	-0.2	2.1	1.1	17.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	109,179 (4.7)	46.1	18.1	16.5	-17.5	19.9	20.2	3.4	3.1	1.3	-1.7	12.5	8.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	9,402 (0.4)	31.4	13.8	8.9	-10.5	10.5	16.3	-	-	2.2	0.2	10.6	-14.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,308 (0.3)	34.1	10.5	10.5	-5.1	12.2	13.4	1.3	1.4	4.2	3.2	12.1	6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,520,481 (66.1)	18.0	8.8	8.2	21.9	38.9	28.5	2.6	2.0	2.5	4.3	-4.9	72.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	59,458 (2.6)	36.5	13.3	15.0	-0.5	9.3	7.8	1.1	1.1	0.0	6.7	26.6	26.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	86,867 (3.8)	46.5	20.1	19.5	-4.5	9.3	9.0	1.8	-	-1.7	3.8	24.0	47.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	480,978 (20.9)	38.9	6.7	8.6	67.9	40.8	23.3	2.2	1.7	1.7	5.2	7.7	111.6
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	229,455 (10.0)	97.2	12.4	13.5	17.2	10.5	11.0	1.2	1.2	-0.3	2.1	28.4	35.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	222,451 (9.7)	4.6	20.4	17.0	-51.0	15.7	16.7	2.8	2.8	1.3	-0.9	1.5	1.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	264,308 (11.5)	39.9	48.7	20.4	-11.9	1.4	3.5	0.6	0.6	1.1	-3.3	-0.7	37.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	129,682 (5.6)	35.9	9.7	9.2	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	-0.7	-0.7	12.7	48.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	101,261 (4.4)	0.0	13.9	11.5	13.7	26.7	27.0	3.6	2.9	-0.6	4.9	10.7	27.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	36,396 (1.6)	0.0	17.2	13.5	2.4	24.1	23.8	3.7	3.0	0.1	2.1	-0.3	23.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,859 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.7	-1.9	2.2	-55.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	30,906 (1.3)	30.3	20.6	14.5	-75.2	8.5	11.8	1.7	1.6	1.7	3.4	12.0	-13.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	51,111 (2.2)	34.6	8.9	12.6	41.2	26.2	19.9	2.2	2.3	0.2	-1.4	5.6	-10.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,105 (0.1)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.5	20.7	3.3	2.9	0.1	-0.3	0.7	-8.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	238 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.6	7.0	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	221,200 (9.6)	0.0	20.2	16.6	15.6	25.6	26.4	4.4	3.9	1.0	5.0	2.1	73.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.